



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: **16.12/QĐ** – VPCNCLQG
ngày **16** tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm**
Laboratory: **Laboratory**
Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Dongkuk Việt Nam**
Organization: **Dongkuk Vietnam Co., Ltd.**
Số hiệu/ Code: **VILAS 902**
Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực: **Cơ**
Field: **Mechanical**
Người quản lý/
Laboratory manager: **Quách Thị Luyến**
Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày **16** / 06 / 2025 đến ngày 20 / 06 / 2030**
Lô số 10, Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Địa chỉ/Address: **No.10, Thuy Van Industrial Zone, Viet Tri city, Phu Tho province, Viet Nam**
Lô số 10, Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Địa điểm/ Location: **No.10, Thuy Van Industrial Zone, Viet Tri city, Phu Tho province, Viet Nam**
Điện thoại/ Tel: **0210 3953901**
Email: **dkviettri@yahoo.com**



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 902

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ
Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Bao cao su tránh thai từ mủ cao su thiên nhiên <i>Natural rubber latex male condoms</i>	Xác định tổng khối lượng chất bôi trơn <i>Determination of total lubricant</i>	Đến/to 1 g	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex C2</i>
2.		Xác định chiều dài <i>Determination of length</i>	Đến/to 300 mm	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex D</i>
3.		Xác định chiều rộng <i>Determination of width</i>	Đến/to 53 mm	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex E</i>
4.		Xác định độ dày <i>Determination of thickness</i>	Đến/to 0,1 mm	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex F</i>
5.		Xác định áp lực và thể tích nổ <i>Determination of bursting volume and pressure</i>	(0,4 ~ 0,5) dm ³ /s	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex H</i>
6.		Xác định lực và độ giãn dài khi đứt <i>Determination of force and elongation at break</i>	Đến/to 240 N	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex J</i>
7.		Xác định dòng đời qua nghiên cứu độ ổn định theo thời gian <i>Determination of shelf life by real-time stability studies</i>	-	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex K</i>
8.		Xác định dòng đời tạm thời <i>Determination of provisional shelf life</i>	-	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex L</i>
9.		Thử lỗ thủng Phương pháp kiểm tra rò rỉ nước <i>Testing for holes</i> <i>Water leak test method</i>	-	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex M2</i>
10.		Thử tính toàn vẹn của bao gói <i>Testing for package integrity</i>	(0 ~ 100) kPa	ISO 4074:2015 Phụ lục/ <i>Annex N</i>

Chú thích/ Note:

- ISO: *International Organization for Standardization*

Trường hợp Công ty TNHH Dongkuk Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Dongkuk Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Dongkuk Vietnam Co., Ltd. that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

